

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG THỦY
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-ST

Ngày 16-11-2018

V/v : *Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Trình.

2. Ông Trần Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Ly - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Hải Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại hội trường Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-KDTM ngày 12/3/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST-KDTM ngày 04/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A (Viết tắt Ngân hàng A); Trụ sở chính: Số 442 đường N, Phường 5, Quận 3, Thành phố H.

Trụ sở chi nhánh: Số 01 T, thành phố H, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp:

+ Ông Đỗ Minh T, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng A là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng A;

+ Ông Nguyễn Quốc T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A- Chi Nhánh H là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A (Văn bản ủy quyền ngày 25/11/2014).

+ Ông Nguyễn Đăng T, chức vụ: Chuyên viên pháp lý chứng từ Ngân hàng A - Chi Nhánh H là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng A (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2017). Ông T có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Thế L, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 04 kiệt 33 đường N, tổ 11, phường T, thị xã H, tỉnh T. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018, lời khai trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng A trình bày: Ngân hàng A và ông Đặng Thế L có ký kết 02 hợp đồng cấp tín dụng, gồm:

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HUE.CN.04.030417/HM/KPP ngày 05/4/2017, theo đó Ngân hàng A cho ông Đặng Thế L vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng (từ ngày 05/4/2017 đến ngày 05/4/2018) , lãi vay trong hạn 9,2%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng A đã giải ngân số tiền vay này cho ông L, giữa ông L và Ngân hàng A đã ký khế ước nhận nợ số 02/HUE.CN.04.030417/HM/KPP ngày 22/5/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L chỉ trả được tiền lãi là 5.414.794đ . Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 16/11/2018, ông L còn nợ số tiền gốc là 200.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 5.520.762đ, lãi quá hạn là 29.295.000đ và lãi phạt là 52.896đ. Tổng cộng ông L còn nợ số tiền 234.868.658đ.

+ Hợp đồng cấp tín dụng số HUE.CN.05.030417/KPP ngày 05/4/2017, theo đó Ngân hàng A cho ông L vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay là 120 tháng (từ ngày 05/04/2017 đến ngày 05/04/2027), lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng A đã giải ngân toàn bộ số tiền này cho ông Đặng Thế L và ông L đã ký khế ước nhận nợ số 01/HUE.CN.05.030417/KPP ngày 05/04/2017. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến ngày 12/10/2017 ông L phải trả số tiền gốc 14.180.765. Nhưng ông L chỉ trả được số tiền gốc là 8.335.000đ và tiền lãi là 8.681.000đ. Do ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 24/11/2017 Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 16/11/2018, ông Đặng Thế L còn nợ Ngân hàng A số tiền nợ gốc là 191.665.000đ, tiền lãi trong hạn là 5.499.352đ, lãi quá hạn là 28.594.022đ, phạt 52.152đ. Tổng cộng ông L còn nợ số tiền 225.810.526đ.

Tài sản đảm bảo các khoản vay trên là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại phường T, thị xã H, tỉnh T được Sở tài nguyên môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 25/11/2016 đứng tên Đặng Thế L.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đặng Thế L thanh toán số tiền còn nợ của 02 hợp đồng tín dụng nói trên, tính đến ngày 16/11/2018 là 460.679.184 đồng, trong đó: Số tiền gốc 391.665.000 đồng, tiền lãi trong hạn 11.020.114 đồng, tiền lãi quá hạn 57.889.022 đồng, tiền phạt 105.048 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng A rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông

Đặng Thế L thanh toán các khoản tiền gốc nợ gốc 391.665.000 đồng, tiền lãi trong hạn 11.020.114 đồng, tiền lãi quá hạn 57.889.022 đồng. Tổng cộng là 460.574.136đ. Đối với khoản tiền phạt 105.048 đồng, Ngân hàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Đặng Thế L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại phường T, thị xã H, tỉnh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 25/11/2016 đứng tên Đặng Thế L.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ cho ông Đặng Thế L, nhưng trong thời hạn theo luật định ông Đặng Thế L không có văn bản trình bày ý kiến. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L đến làm việc cũng như thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng do ông L không còn cư trú tại địa chỉ do Ngân hàng A cung cấp nên Tòa án không thể lấy được ý kiến của ông L đối với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Ngân hàng A đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Đặng Thế L vắng mặt trong tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại các phiên tòa là vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xét xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A, buộc ông Đặng Thế L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tại đơn khởi kiện, Ngân hàng A đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Đặng Thế L theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án

không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông L là do ông L thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng mà không thông báo cho Ngân hàng A biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua xác minh tại gia đình ông L, bà Trần Thị H là mẹ của ông L cho biết ông L đã đi khỏi địa phương, hiện gia đình không có tin tức, địa chỉ nơi cư trú mới của ông L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này được xem ông L có tình giấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông Đặng Thế L đến phiên tòa như Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng ông Đặng Thế L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Đặng Thế L.

- Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A tại phiên tòa hôm nay về việc không yêu cầu ông L phải thanh toán số tiền phạt của 02 hợp đồng với số tiền 105.048 đồng là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của Ngân hàng A.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng cấp tín dụng số HUE.CN.04.030417/HM/KPP ngày 05/4/2017 và Hợp đồng cấp tín dụng số HUE.CN.05.030417/KPP ngày 5/4/2017 giữa bên cho vay là Ngân hàng A và bên vay là ông Đặng Thế L được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 và 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015, các Điều 90, 91 và Điểm a, khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hai hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng A đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân các khoản vay cho ông Đặng Thế L theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Ngày 24/11/2017 Ngân hàng A đã có Thông báo thu hồi nợ trước hạn và đến ngày 26/02/2018 khởi kiện ông Đặng Thế L tại Tòa án là phù hợp với sự thỏa thuận của hai bên quy định tại Điều 6 Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HUE.CN.03.030417 ngày 05/4/2017.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A buộc ông Đặng Thế L phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm gồm tiền nợ gốc 391.665.000 đồng, tiền lãi trong hạn 11.020.114 đồng, tiền lãi quá hạn 57.889.022 đồng. Tổng

cộng là 460.574.136đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của hai bên nên cần chấp nhận.

Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đặng Thế L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng A thấy rằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HUE.BDCN. 02.030417/KPP, ngày 05/4/2017 giữa Ngân hàng A (Bên nhận thế chấp) với ông Đặng Thế L (Bên thế chấp) đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định tại Điều 298 Bộ Luật dân sự năm 2015 và được công chứng theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 02/10/2018 thì trên thửa đất số 348, tờ bản đồ số 32, có diện tích 110,5m² tọa lạc tại phường T, thị xã H, tỉnh T được Sở tài nguyên môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 25/11/2016 đứng tên Đặng Thế L có 01 ngôi nhà xây cấp 4 được thể hiện cụ thể trong nội dung hợp đồng thế chấp. Qua kết quả xác minh thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và nhà ở là tài sản riêng của ông L, hiện nay không có ai ở trong ngôi nhà này.

Do vậy, trường hợp ông Đặng Thế L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 8 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HUE.BDCN. 02.030417/KPP, ngày 05/4/2017 và Điều 299 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ vào Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc ông Đặng Thế L phải chịu 2.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng A đã nộp đủ số tiền này nên ông L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 2.000.000đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc ông Đặng Thế L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.422.965đ (20.000.000đ + 4% x 60.574.136đ).

Trả lại số tiền tạm ứng án phí trả nộp cho Ngân hàng A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 157, Điều 158, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 298, 299, 385, 398 và 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 90, 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí. Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A (Ngân hàng A). Buộc ông Đặng Thế L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ tính đến ngày 16/11/2018 là: 460.574.136đồng (Trong đó: Số tiền nợ gốc 391.665.000 đồng, tiền lãi trong hạn 11.020.114 đồng, tiền lãi quá hạn 57.889.022 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 17/11/2018), ông Đặng Thế L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng A thì lãi suất mà ông L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng A.

Trường hợp ông Đặng Thế L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HUE.BDCN. 02.030417/KPP, ngày 05/4/2017 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là nhà ở tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 32 tọa lạc tại tổ 11, phường T, thị xã H, tỉnh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào ngày 25/11/2016 đứng tên Đặng Thế L.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc buộc ông Đặng Thế L phải thanh toán khoản tiền phạt 105.048đồng.

3. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Đặng Thế L phải chịu 2.000.000đ chi phí thẩm định tại chỗ. Ngân hàng A đã nộp đủ số tiền này nên ông L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 2.000.000đ.

4. Về án phí: Buộc ông Đặng Thế L phải chịu 22.422.965đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 10.116.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/000418 ngày 12/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Thủy;
- THADS TX. Hương Thủy;
- Các đương sự.
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phan Thị Xuân Huế